

Số: 83 /QĐ-THVTS

Quận 7, ngày 10 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý 2 năm 2023
của Trường Tiểu học Võ Thị Sáu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 8479/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý 2 năm 2023 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Võ Thị Sáu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận 7;
- Như điều 3;
- Niêm yết tại văn phòng, bảng tin của trường;
- Lưu: VT, KT.



Phan Thanh Phong

Quận 7, ngày 10 tháng 07 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường tiểu học Võ Thị Sáu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2/2023 như sau:

Đvt: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi	-	(393.595)	0	-
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	29.463.271	6.590.838	0	-
1	Thu sự nghiệp:	14.893.110	3.859.555		-
1.1	Học phí 2 buổi	497.700	116.690	23%	
1.2	Tổ chức PVBT	2.532.600	665.760	26%	
1.3	TATC	510.300	155.160	30%	
1.4	Vệ sinh phí	361.800	83.220	23%	
1.5	Tin học	750.150	169.250	23%	
1.6	Thiết bị VDBT	301.500		0%	
1.7	TABN	1.275.750	291.330	23%	
1.8	Bơi	284.130	60.676	21%	
1.9	Kỹ năng sống	1.455.840	334.560	23%	
1.10	TA tích hợp	3.931.740	1.169.559	30%	
1.11	TA Toán - Khoa	1.206.000	271.500	23%	
1.12	Ngoại khóa	1.440.000	435.950	30%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.13	Tin học quốc tế	345.600	105.900	31%	
2	Thu hộ:	14.570.161	2.731.283	19%	-
2.1	Tiền ăn BT	12.311.250	2.563.610	21%	
2.2	Nước uống BT	271.350	62.400	23%	
2.3	Đề kiểm tra	116.800	70	0%	
2.4	CSCKBD	70.000		0%	
2.5	Điện	454.950	104.550	23%	
2.6	Hoa hồng BHYT	25.000		0%	
2.7	BHYT HS	1.138.831	563	0%	
2.8	SLL điện tử	181.980	90	0%	
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	29.463.271	6.984.433		-
I	Chi sự nghiệp:	14.893.110	2.798.571	19%	-
1.1	Học phí 2 buổi	497.700	94.787	19%	
1.2	Tổ chức PVB	2.532.600	593.196	23%	
1.3	TATC	510.300	132.295	26%	
1.4	Vệ sinh phí	361.800	78.174	22%	
1.5	Tin học	750.150	71.052	9%	
1.6	Thiết bị VDBT	301.500		0%	
1.7	TABN	1.275.750	284.599	22%	
1.8	Bơi	284.130	61.908	22%	
1.9	Kỹ năng sống	1.455.840	201.023	14%	
1.10	TA tích hợp	3.931.740	485.979	12%	
1.11	TA Toàn - Khoa	1.206.000	258.540	21%	
1.12	Ngoại khóa	1.440.000	445.326	31%	
1.13	Tin học quốc tế	345.600	91.692	27%	
2	Chi hộ:	14.570.161	4.185.862	29%	-
2.1	Tiền ăn BT	12.311.250	3.944.010	32%	
2.2	Nước uống BT	271.350	39.025	14%	
2.3	Đề kiểm tra	116.800	5.892	5%	
2.4	CSCKBD	70.000	2.850	4%	
2.5	Điện	454.950	193.785	43%	
2.6	Hoa hồng BHYT	25.000	300	1%	
2.7	BHYT HS	1.138.831		0%	
2.8	SLL điện tử	181.980		0%	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	14.707.000	3.670.121	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.720.000	2.095.107		
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03)	5.809.000	1.575.014		
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên)	178.000			

Ngày tháng 07 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thanh Phong

